

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129,121,310,930	65,586,607,519
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54,806,974,172	4,372,714,583
1. Tiền	111		54,806,974,172	4,372,714,583
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,817,554,245	4,358,703,600
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2,293,978,305	5,008,227,919
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(476,424,060)	(649,524,319)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33,749,940,590	32,953,451,134
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	30,829,917,467	29,611,699,943
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	189,428,000	66,363,908
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	2,741,095,123	3,285,887,283
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(10,500,000)	(10,500,000)
IV. Hàng tồn kho	140		35,143,688,660	20,966,841,865
1. Hàng tồn kho	141	V.8	35,143,688,660	20,966,841,865
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,603,153,263	2,934,896,337
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,169,326,373	2,421,609,477
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	-	43,601,479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	433,826,890	469,685,381

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19,204,266,235	22,797,510,307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12,827,130,315	15,081,962,257
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	12,700,318,583	15,000,654,803
<i>Nguyên giá</i>	222		31,893,149,477	32,220,047,982
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19,192,830,894)	(17,219,393,179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	126,811,732	81,307,454
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,086,844,266	7,518,624,259
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	1,971,779,993
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6,086,844,266	5,546,844,266
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		290,291,654	196,923,791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	290,291,654	196,923,791
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148,325,577,165	88,384,117,826

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		23,474,027,942	14,914,554,923
I. Nợ ngắn hạn	310		23,324,853,299	14,743,127,813
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	12,833,125,454	9,512,052,149
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	2,405,593	37,575,365
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	7,106,798,845	2,542,205,300
5. Phải trả người lao động	315		1,706,872,530	2,433,950,441
6. Chi phí phải trả	316	V.19	179,242,000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	353,412,787	211,944,101
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	1,142,996,090	5,400,457
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		149,174,643	171,427,110
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	138,000,000	114,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	11,174,643	57,427,110
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124,258,661,117	72,849,264,111
I. Vốn chủ sở hữu	410		124,258,661,117	72,849,264,111
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	50,659,130,000	35,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	50,130,023,080	19,774,693,080
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	-	(4,869,713)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	10,806,209,432	4,536,476,819
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	1,774,607,932	975,338,047
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	10,888,690,673	12,567,625,878
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		592,888,106	620,298,792
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148,325,577,165	88,384,117,826

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bé

Trần Đức Uyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2010 cho kết thúc năm tài chính năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Quý II		lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	55,222,538,275	33,006,737,083	85,410,898,710	56,752,636,329
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,206,309		11,206,309	5,457,055
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55,211,331,966	33,006,737,083	85,399,692,401	56,747,179,274
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48,552,918,013	26,783,262,135	73,312,767,604	47,185,128,462
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,658,413,953	6,223,474,948	12,086,924,797	9,562,050,812
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,714,018,061	575,826,915	9,123,144,324	745,456,375
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	716,186,069	36,221,249	783,225,980	(320,586,282)
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		22,819,444		22,819,444	1,060,940
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	581,131,498	330,580,145	1,161,852,645	650,801,963
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,950,665,522	1,141,882,106	2,778,937,951	1,923,450,326
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,124,448,925	5,290,618,363	4,399,127,748	8,053,841,180
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	298,587,600	11,540,000	315,677,600	21,039,480
12.	Chi phí khác	32	VI.8	413,628,660	86,855,912	417,270,660	145,861,912
13.	Lợi nhuận khác	40		(115,041,060)	(75,315,912)	(101,593,060)	(124,822,432)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	48,149,060
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,009,407,865	5,215,302,451	16,384,459,485	7,977,167,808
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	1,507,490,798	449,104,999	2,053,627,687	714,272,767
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,501,917,067	4,766,197,452	14,330,831,798	7,262,895,041
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(27,410,686)		(27,410,686)	(32,644,530)
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.9	10,529,327,753	4,766,197,452	14,358,242,484	7,295,539,571
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3,008.4	1,362	4,102.4	2,084

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bé

Trần Đức Uyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,384,459,485	7,977,167,808
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,126,446,515	2,029,454,650
- Các khoản dự phòng	03		(173,100,259)	(1,400,084,693)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	185,441,715
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(216,167,840)	(389,227,582)
- Chi phí lãi vay	06		22,819,444	1,060,940
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,144,457,345	8,403,812,838
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,251,914,897	2,415,654,418
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14,222,351,073)	5,029,955,770
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,856,274,511	3,804,914,689
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(93,367,863)	(29,171,182)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22,819,444)	(1,060,940)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(433,337,494)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12,689,133,223	186,300,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13,022,242,058)	(5,230,017,236)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10,147,662,044	14,580,388,357
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(217,862,455)	88,517,804
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		270,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8,252,280
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(540,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1,760,000,000	1,509,077,868
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	389,227,582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,272,137,545	1,995,075,534

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		46,014,460,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,650,000,000	2,228,564,351
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,650,000,000)	(706,995,350)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,000,000,000)	(7,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39,014,460,000	(5,478,430,999)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50,434,259,589	11,097,032,892
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4,372,714,583	8,994,615,955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54,806,974,172	20,091,648,847

Kế toán trưởng

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bé

Trần Đức Uyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất và kinh doanh bao bì;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa;
 - Kinh doanh vật tư, vận tải;...

4. Công ty con đ ược hợp nhất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà có 01 công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo phương pháp giá gốc.

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp STP	Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	60%	60%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:

- Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được loại trừ toàn bộ;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ hoàn toàn;
- Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí phát sinh từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty mẹ và Công ty con, cổ tức, lợi nhuận đã phân chia và đã ghi nhận được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất là 30 năm.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005; 2006) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2010).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành và được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2010 : 18.544 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	354.865.177	539.125.418
Tiền gửi ngân hàng	45.828.108.995	3.709.989.165
Tiền đang chuyển	624.000.000	123.600.000
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	8.000.000.000	-
Cộng	54.806.974.172	4.372.714.583

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là giá trị các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, cổ phiếu niêm yết.

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.253.978.305		5.008.227.919
- Công ty Cổ phần CP Xây dựng số 2	27	1.848.738	27	1.848.738
- Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà	50	2.644.129	50	2.644.129
- Công ty CP Xi măng Sài Sơn	60	2.596.054	30	2.176.054
- Ngân hàng TMCP Á Châu	3.073	145.194.239	3.073	145.614.239
- Công ty CP Đầu tư và Vận tải Dầu khí Vinashin	-	-	9.000	310.800.000
- Công ty CP Xi măng Hoàng Mai	56	851.200	56	851.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.000	257.600.000	8.000	257.600.000
- Công ty CP Cảng Đoạn Xá	3.000	245.100.000	3.000	245.100.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	-	-	3.400	236.598.788
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	10.000	774.000.000	8.000	754.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	10.000	498.000.000	10.000	498.000.000
- Công ty CP Điện tử Tân Bình	3.000	69.330.000	3.000	69.330.000
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	7.000	248.800.000	7.000	248.800.000
- Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	750	8.013.945	190.750	2.030.000.000
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn		40.000.000		-
- Quyền mua Trái phiếu SHB		40.000.000		-
Cộng		2.293.978.305		4.863.363.148

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà: Giảm do bán 300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 15.864.771 VND.
- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà: tăng do mua thêm 2.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 20.000.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư
- Cổ phiếu ngân hàng thương mại Cổ phần á châu : tăng do mua thêm 400 trái phiếu chuyển đổi SHB với giá mua và chi phí mua là 40.000.000 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng giảm giá cho các cổ phiếu niêm yết.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	(649.524.319)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	173.100.259
Số cuối kỳ	(476.424.060)

4. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	133.120.002	463.240.002
Công ty Cổ phần Xi măng Tam Điệp	2.932.189.568	3.412.939.568
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Thạch	201.075.357	1.676.992.254
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	-	926.657.146
Công ty Xi măng CHINFON	3.820.858.500	3.755.040.000
Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	1.344.061.053	825.885.240
Công ty Cổ Phần Xi măng Hạ Long	6.406.706.291	7.415.402.953
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.623.600.000	1.980.720.000
Công ty CP Bao bì và Thương mại Lâm Thao	186.115.000	1.416.115.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	-	2.618.440.000
Công ty Xi măng Bút Sơn	-	1.161.560.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	2.339.040.000	2.310.075.600
Công ty TNHH Dương Hồng	983.750.000	-
Công ty CP Thương mại DV Tân Phú	1.420.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hạ Long	610.060.000	-
Công ty CP XNK Thành Nam	3.222.267.500	-
Công ty VPP Cửu Long	3.142.338.000	-
Công ty CP nhựa và bao bì Phú Mỹ	426.412.500	-
Đối tượng khác	2.038.323.696	1.648.632.180
Cộng	30.829.917.467	29.611.699.943

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn	-	30.000.000
Công ty Chứng khoán Vincom	35.000.000	35.000.000
Công ty TNHH 1 thành viên Cơ khí An toàn	-	1.363.908
Công ty Du lịch ANZ	154.428.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	189.428.000	66.363.908
6. Các khoản phải thu khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu BHXH, BHYT	33.454.994	27.167.154
Tiền góp vốn Công ty TNHH SXTM VTKS Xuân Minh	102.000.000	102.000.000
Phải thu ông Nguyễn Trọng Giang	-	600.000.000
Phải thu ông Phan Văn Tam	-	200.000.000
Phải thu ông Trần Đức Uyên	-	200.000.000
Tiền góp vốn Công ty TNHH Sơn Tùng	2.000.000.000	2.000.000.000
Hiệp hội Bảo bì Việt Nam	100.000.000	100.000.000
Bảo hiểm xã hội Hà Đông	-	50.000.000
Bà Ngô Thị Thuý	497.920.000	-
Các đối tượng khác	7.720.129	6.720.129
Cộng	2.741.095.123	3.285.887.283
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Là khoản công nợ phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Hà Anh do quá hạn trong thời gian từ 1 năm đến dưới 2 năm của công ty con STP		
8. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	24.192.904.694	14.681.564.512
Công cụ, dụng cụ	114.012.944	159.517.222
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.630.370.229	4.509.693.063
Thành phẩm	2.560.747.275	1.616.067.068
Hàng gửi đi bán	3.645.653.518	-
Cộng	35.143.688.660	20.966.841.865
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	158.934.972	76.934.972
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	274.891.918	392.750.409
Cộng	433.826.890	469.685.381

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	7.227.373.794	22.947.166.219	1.291.552.684	209.194.684	31.675.287.022
Tăng do mua sắm mới	-	204.545.455	-	13.317.000	217.862.455
Số cuối kỳ	7.227.373.794	23.151.711.584	1.291.552.684	222.511.415	31.893.149.477
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	3.742.444.770	13.969.830.771	358.373.620	137.166.630	18.207.815.791
Tăng do trích khấu hao	152.511.450	756.892.746	34.577.634	11.033.271	985.015.101
Số cuối kỳ	3.897.549.263	14.724.047.144	422.951.255	148.283.232	19.192.830.894
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	3.484.929.024	8.977.335.448	933.179.064	72.027.695	13.467.471.231
Số cuối kỳ	3.329.824.531	8.427.664.440	868.601.429	74.228.183	12.700.318.583

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ		45.504.278	-	45.504.278
XDCB dở dang	81.307.454		-	81.307.454
- Khu nhà văn phòng làm việc tại Xã Mỹ Đình huyện Từ Liêm	81.307.454		-	81.307.454
Cộng	81.307.454	45.504.278	-	126.811.732

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Giấy Việt Nga	-	-	192.000	1.920.000.000
Cộng		-		1.920.000.000

Trong kỳ Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giấy Việt Nga với giá bán là 2.257.920.000 VND.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	3.825.000.000	3.825.000.000
- Công ty CP Xi măng Đá vôi Phú Thọ	1.050.000.000	1.050.000.000
- Công ty CP Vinaconex 45	2.775.000.000	2.775.000.000
Đầu tư dài hạn khác	2.261.844.266	1.721.844.266
Cộng	6.086.844.266	5.546.844.266

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
CCDC chờ phân bổ	78.723.335	152.923.653	54.441.686	177.205.302
Chi phí sửa chữa nhà cửa				
Chi phí thuê đất	95.292.783		1.095.321	94.197.462
Chi phí thiết kế website		20.000.000	1.111.110	18.888.890
Cộng	174.016.118	172.923.653	56.648.117	290.291.654

15. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2010/NH-HM ngày 02/02/2010 với hạn mức là 30 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay 12%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	2.650.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(2.650.000.000)
Số cuối kỳ	-

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Việt Nga	28.264.791	338.264.791
Công ty CP Giấy Hoàng Văn Thụ	374.706.325	1.060.276.080
HTX Cổ phần Việt Nhật	1.151.939.355	2.433.644.432
Cty Giấy Việt Pháp	200.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Thành Dững	1.998.664.850	1.200.000.000
Công ty TNHH SX giấy và BB Phương Đông	609.939.355	1.051.257.600
Công ty CP Văn phòng phẩm Cửu Long	-	479.817.000
Công ty cổ phần giấy Việt Tri	645.045.902	-
Công ty XNK thủy sản Miền Trung	1.205.046.300	-
Công ty XNK thiết bị Toàn bộ	1.078.636.364	-
Công ty 76	3.018.400.000	-
Công ty giấy Mỹ Hương	457.203.600	-
Đối tượng khác	2.065.278.612	2.448.792.246
Cộng	12.833.125.454	9.512.052.149

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH TMDV XNK Hà Phát	-	32.172.272
Các đối tượng khác	2.405.593	5.403.093
Cộng	2.405.593	37.575.365

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-2.141.075.826	3.049.386.727	23.863.047	884.447.854
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	87.839.136	3.666.790.869	585.303.632	3.169.326.373
Thuế xuất, nhập khẩu	-	32.161.799		32.161.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.891.392.688	1.530.965.873	433.337.494	2.989.021.067
Thuế thu nhập cá nhân	11.495.201	56.806.506	36.459.955	31.841.752
Các loại thuế khác	-			-
Cộng	-150.348.801	8.336.111.774	1.078.964.128	7.106.798.845

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

Là chi phí vận chuyển tháng 06 năm 2010 phải trả.

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	138.179.029	37.291.973
Tiền ồm đau thai sản	4.436.626	21.799.501
Kinh phí công đoàn	106.121.138	45.299.334
Nguyên Quang Thiều - Tiền mua vật tư	579.130	579.130
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	88.183.527	98.819.890
Phải trả phải nộp khác	15.913.337	8.154.273
Cộng	353.412.787	211.944.101

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	5.400.457
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	1.518.612.782
Chi quỹ trong kỳ	(381.017.149)
Số cuối kỳ	1.142.996.090

22. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	57.427.110
Số trích lập trong kỳ	67.998.858
Số chi trong kỳ	(114.251.325)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ

11.174.643

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

24. Vốn đầu tư của chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	35.000.000.000	19.774.693.080		4.536.476.819	975.338.047	12.567.625.878	72.854.133.82
Cổ đông góp vốn	15.659.130.000	30.355.330.000	-	-	-	-	46.014.460.000
- Trong đó góp bằng tiền	15.659.130.000	30.355.330.000	-	-	-	-	46.014.460.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	14.358.242.484	14.358.242.484
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	6.269.732.613	799.269.885	(8.587.615.280)	(1.518.612.782)
Thanh lý Công ty Liên kết						(51.779.993)	(51.779.993)
Thưởng vượt lợi nhuận	-	-	-	-	-	(397.782.416)	(397.782.416)
Tạm ứng cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	50.659.130.000	50.130.023.080	-	10.806.209.432	1.774.607.932	10.888.690.673	124.258.661.117

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	50.659.130.000	35.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.130.023.080	19.774.693.080
Cộng	100.789.153.080	54.774.693.080

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (*)	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Trong kỳ đơn vị đã phát hành tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 70 tỷ nhưng chưa hoàn thành số tiền thu được từ đợt chào bán hiện đang ở tài khoản phong tỏa đơn vị chưa được sử dụng. Cho đến ngày 15 tháng 7 năm 2010 mới kết thúc thu tiền từ đợt chào bán

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp STP	600.000.000	600.000.000
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số trong Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp STP	(7.111.894)	20.298.792
Cộng	592.888.106	620.298.792

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Kỳ này	Lũy kế
Tổng doanh thu		85.410.898.710
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	27.351.622.727	34.283.081.507
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	27.808.799.648	51.065.701.303
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	62.115.900	62.115.900
Các khoản giảm trừ doanh thu:	11.206.309	11.206.309
<i>Giảm giá hàng bán</i>	11.206.309	11.206.309
Doanh thu thuần	55.211.331.966	85.399.692.401
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	27.351.622.727	34.283.081.507
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	27.808.799.648	51.054.494.994
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	62.115.900	62.115.900

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Lũy kế
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	25.740.349.099	31.597.570.574
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	22.812.568.914	41.715.197.030
Cộng	48.552.918.013	73.312.767.604

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Lũy kế
Lãi tiền gửi	98.264.245	148.753.263
Lãi tiền cho vay	102.971	102.971
Lãi thanh lý khoản đầu tư		337.920.000
Lãi về kinh doanh chứng khoán	8.575.768.145	8.577.313.215
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.844.700	49.483.200
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		9.571.675
Cộng	8.714.018.061	9.123.144.324

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Lũy kế
Chi phí lãi vay	22.819.444	22.819.444
Lỗ kinh doanh chứng khoán	25.919.350	66.618.781
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	840.547.534	866.888.014
Hoàn nhập DP giảm giá các khoản ĐT CK	(173.100.259)	(173.100.259)
Cộng	716.186.069	783.225.980

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Lũy kế
Chi phí nhân viên quản lý	102.000.000	102.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.131.998	1.059.852.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
Chi phí bằng tiền khác	-	
Cộng	581.131.498	1.161.852.645
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.200.417.378	1.627.818.939
Chi phí vật liệu quản lý	54.730.170	102.376.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.369.399	54.080.853
Chi phí khấu hao TSCĐ	79.880.721	159.761.442
Thuế, phí và lệ phí	243.043.122	346.759.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.079.535	226.293.019
Chi phí bằng tiền khác	182.085.275	261.847.118
Cộng	1.950.665.522	2.778.937.951
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
Thu thanh lý TSCĐ	270.000.000	270.000.000
Tiền phạt vi phạm quy chế công ty	1.567.000	1.857.000
Thu phí đào tạo	6000.000	8.000.000
Thu bán phế liệu	19.520.600	34.320.600
Thu nhập khác	1.500.000	1.500.000
Cộng	298.587.600	315.677.600
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
GTCL TSCĐ thanh lý	391.752.160	391.752.160
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	18.000.000	18.000.000
Tiền phạt sản phẩm hỏng	3.876.500	7.518.500
Cộng	413.628.660	417.270.660
9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		
	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty con	(68.526.716)	(81.611.326)
Tỷ lệ vốn góp của cổ đông thiểu số trong Công ty con	40%	40%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
	(27.410.686)	(32.644.530)
Cộng		

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.358.242.484	7.295.539.571
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.358.242.484	7.295.539.571
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.102	2.084

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.500.000	3.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Phạm Thị Bé****Trần Đức Uyên**